

Phụ lục 1: DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP, YÊU CẦU THÂM NIÊN, BỔ TÚC KIẾN THỨC ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN THẠC SĨ

TT	Mã chuyên ngành đào tạo	Tên chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Nội dung học BTKT
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	8320101.01	Báo chí học	Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế	Văn học, Ngôn ngữ, Chính trị học, Quốc tế học, Xã hội học, Lịch sử, Triết học, Luật, Nhân học, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Thông tin học, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu, Đạo diễn điện ảnh - truyền hình, Quay phim, Xuất bản.	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp tại cột (4) từ loại Khá trở lên phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	8 môn/ 23 tín chỉ 1. Báo chí truyền thông đại cương 2. Lý luận báo chí truyền thông 3. Kỹ năng viết cho báo in – báo điện tử 4. Kỹ năng viết cho phát thanh – truyền hình 5. Quan hệ công chúng đại cương 6. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông 7. Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông 8. Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông
2	8320101.01	Báo chí học (định hướng ứng dụng)	Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế	Văn học, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Xã hội học, Văn hóa học, Triết học, Luật, Kinh tế, Nhân học, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Thông tin học, Xuất bản – Phát hành, Quan hệ quốc tế, Thông tin đối ngoại, Đạo diễn truyền hình, Biên tập truyền hình, Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Quảng cáo và Marketing, Xuất bản.	Tất cả những người có bằng đại học ngành khác và phải có tối thiểu 03 sản phẩm báo chí truyền thông đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học dưới loại Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp đại học tại cột (4) và cột (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	8 môn/ 23 tín chỉ 1. Báo chí truyền thông đại cương 2. Lý luận báo chí truyền thông 3. Kỹ năng viết cho báo in – báo điện tử 4. Kỹ năng viết cho phát thanh – truyền hình 5. Quan hệ công chúng đại cương 6. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông 7. Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông 8. Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
3	8310608.01	Châu Á học	Đông phương học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Quốc tế học, Khu vực Thái Bình Dương học	Quan hệ quốc tế, Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Ả rập, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật Bản, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Sư phạm tiếng Nhật, Sư phạm tiếng Trung	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	4 môn/12 tín chỉ 1. Lịch sử phương Đông 2. Văn hóa – văn minh phương Đông 3. Khu vực học đại cương 4. Tiếng Việt và các ngôn ngữ phương Đông
4	8340402.01	Chính sách công	Khoa học quản lý, Chính trị học, Luật	Triết học, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Báo chí, Quản lý văn hóa, Quản trị văn phòng, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Quản lý nhà nước, Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	Tất cả những người tốt nghiệp đại học ngành khác và phải đang công tác trong lĩnh vực phân tích và hoạch định chính sách (Cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các cấp); người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực quản lý, chính sách tại các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học công nghệ khác.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	Đối tượng cột (4) học 5 môn/15 tín chỉ 1. Khoa học chính sách 2. Luật hành chính 3. Khoa học quản lý đại cương 4. Chính trị học đại cương 5. Khoa học tổ chức đại cương Đối tượng cột (5) học 8 môn/24 tín chỉ: 1. Khoa học chính sách 2. Luật hành chính 3. Khoa học Quản lý đại cương 4. Chính trị học đại cương 5. Khoa học tổ chức đại cương 6. Xã hội học quản lý 7. Kinh tế chính trị 8. Nhà nước và pháp luật đại cương

TT	Mã chuyên ngành đào tạo	Tên chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Nội dung học BTKT
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	8310201.01	Chính trị học	Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	5 môn/15 tín chỉ (theo Công văn: 1722/ĐHQGHN-ĐT ngày 17/6/2020) Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ) 1. Chính trị học đại cương 2. Lịch sử học thuyết chính trị 3. Đảng chính trị Các học phần tự chọn (06 tín chỉ) 4. Quyền lực chính trị 5. Nhập môn Hồ Chí Minh học 6. Chính sách đối ngoại của Việt Nam 7. Chính trị và truyền thông 8. Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam 9. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 10. Nhập môn chính trị quốc tế 11. Văn hóa chính trị Việt Nam
6	8310201.01	Chính trị học/Chính trị học (định hướng ứng dụng)	Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	Tất cả các ngành khác <i>(theo Công văn số 1722/ĐHQGHN-ĐT của Đại học Quốc gia Hà Nội ngày 17/6/2020)</i>	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) và cột (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn trong lĩnh vực Chính trị học (tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	5 môn/15 tín chỉ (theo Công văn: 1722/ĐHQGHN-ĐT ngày 17/6/2020) Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ) 1. Chính trị học đại cương 2. Lịch sử học thuyết chính trị 3. Đảng chính trị Các học phần tự chọn (06 tín chỉ) 4. Quyền lực chính trị 5. Nhập môn Hồ Chí Minh học 6. Chính sách đối ngoại của Việt Nam 7. Chính trị và truyền thông 8. Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam 9. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 10. Nhập môn chính trị quốc tế 11. Văn hóa chính trị Việt Nam

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
7	8229001.02	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Giáo dục công dân, Lịch sử, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xã hội học, Tâm lý học, Kinh tế chính trị, Văn hóa học.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	11 môn/24 tín chỉ 1. Lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại 2. Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại 3. Lịch sử triết học Hy - La cổ đại 4. Lịch sử triết học Tây Âu trung cận đại 5. Lịch sử triết học cổ điển Đức 6. Triết học Mác - Lênin nâng cao 7. Triết học phương Tây hiện đại 8. Chuyên đề Logic học 9. Chuyên đề Tôn giáo học 10. Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học 11. Tư tưởng triết học Việt Nam
8	8760101.01	Công tác xã hội	Công tác xã hội	Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt, Khoa học Quản lý, Đông Phương học, Báo chí, Chính trị học/Sư phạm giáo dục chính trị, Triết học, Luật học, Nhân học, Lịch sử (có định hướng chuyên ngành Nhân học)	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/29 tín chỉ 1. Công tác xã hội đại cương 2. Lý thuyết công tác xã hội 3. Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội 4. Hành vi con người và môi trường xã hội 5. Quản trị ngành CTXH 6. Công tác xã hội cá nhân 7. Công tác xã hội nhóm 8. Phát triển cộng đồng 9. CTXH với người khuyết tật 10. CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
9	8760101.01	Công tác xã hội (định hướng ứng dụng)	Công tác xã hội	Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt, Chính trị học, Sư phạm giáo dục chính trị, Nhân học	Tất cả những người có bằng đại học ngành khác.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	10 môn/29 tín chỉ 1. Công tác xã hội đại cương 2. Lý thuyết công tác xã hội 3. Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội 4. Hành vi con người và môi trường xã hội 5. Quản trị ngành CTXH 6. Công tác xã hội cá nhân 7. Công tác xã hội nhóm 8. Phát triển cộng đồng 9. CTXH với người khuyết tật 10. CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần
10	8810101.01	Du lịch	Du lịch, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Hướng dẫn viên du lịch (công văn 3154/ĐHGQHN ngày 11/8/2017).	Việt Nam học, Khoa học Quản lý, Quản lý Văn hóa, Quản trị Kinh doanh	Tất cả những người có bằng đại học ngành khác.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt	7 môn/21 tín chỉ. 1. Marketing du lịch 2. Quản trị kinh doanh khách sạn 3. Quản trị kinh doanh lữ hành 4. Tổng quan sự kiện 5. Hướng dẫn du lịch 6. Kinh doanh dịch vụ bổ sung 7. Điểm tuyến du lịch

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
						nghịệp đại học đến ngày dự thi).	
11	8220104.01	Hán Nôm	Hán Nôm, Ngữ văn (Hán Nôm)	Ngôn ngữ Trung Quốc, Trung Quốc học, Sư phạm tiếng Trung Quốc.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	9 môn/23 tín chỉ 1. Văn tự học Hán Nôm 2. Ngữ pháp văn ngôn 3. Tứ thư 1 (Luận ngữ - Mạnh Tử) 4. Tứ thư 2 (Đại học – Trung dung) 5. Ngũ kinh 1 (Thi – Thư) 6. Ngũ kinh 2 (Lễ - Dịch – Xuân Thu Tả truyện) 7. Hán văn Việt Nam thế kỷ X – XX 8. Chữ Nôm 9. Văn học Việt Nam trung đại
12	8310204.01	Hồ Chí Minh học	Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	5 môn/15 tín chỉ (theo Công văn: 1722/ĐHQGHN-ĐT ngày 17/6/2020) Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ) 1. Chính trị học đại cương 2. Lịch sử học thuyết chính trị 3. Đảng chính trị Các học phần tự chọn (06 tín chỉ) 4. Quyền lực chính trị 5. Nhập môn Hồ Chí Minh học 6. Chính sách đối ngoại của Việt Nam 7. Chính trị và truyền thông 8. Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam 9. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 10. Nhập môn chính trị quốc tế 11. Văn hóa chính trị Việt Nam

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
13	8229010.01	Khảo cổ học	Lịch sử/Sư phạm Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học, Bảo tàng học (công văn 3145/ĐHQGHN ngày 11/8/2017)	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Nhân học đại cương 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Phương pháp luận sử học
14	8340401.01	Khoa học quản lý	Khoa học quản lý, Quản lý xã hội	Quản lý công, Chính sách công, Chính sách Khoa học và Công nghệ, Hành chính công; Quản lý nhân lực; Quản trị kinh doanh; Khoa học chính trị; Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường; Điều khiển học kinh tế, Quản lý công nghệ và doanh nghiệp, Quản lý Môi trường, Quản lý giáo dục, Xã hội học, Công tác xã hội, Quản lý du lịch, Hệ thống thông tin trong quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục và các ngành khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) và tốt nghiệp từ loại Khá trở lên tại cột (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	6 môn/18 tín chỉ 1. Khoa học quản lý đại cương 2. Lịch sử tư tưởng quản lý 3. Tổng quan Sở hữu trí tuệ 4. Khoa học chính sách 5. Lý thuyết hệ thống và điều khiển học 6. Khoa học và Công nghệ luận

TT	Mã chuyên ngành đào tạo	Tên chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Nội dung học BTKT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
15	8320201.01	Khoa học thông tin thư viện	Thông tin - Thư viện, Thư viện – Thông tin; Thông tin học; Quản trị thông tin; Thông tin học & Quản trị thông tin; Khoa học Thư viện; Thư viện học	Lưu trữ học, Lịch sử, Bảo tàng học, Xuất bản, Báo chí, Quan hệ công chúng, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Quản trị văn phòng; Truyền thông quốc tế, Hệ thống thông tin quản lý, Khoa học quản lý	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	12 môn/24 tín chỉ 1. Thông tin học đại cương 2. Thư viện học đại cương 3. Phát triển nguồn lực thông tin 4. Biên mục mô tả 5. Phân loại tài liệu 6. Định chủ đề và định từ khóa 7. Tóm tắt, chú giải, tổng luận tài liệu 8. Tổ chức và bảo quản tài liệu 9. Sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện 10. Phần mềm quản trị thông tin, thư viện 11. Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện 12. Bộ máy Tra cứu tìm tin
16	8320201.01	Khoa học thông tin thư viện (định hướng ứng dụng)	Thông tin - Thư viện, Khoa học Thư viện, Thông tin học, Quản trị thông tin.	Lưu trữ học, Lịch sử, Bảo tàng học, Xuất bản, Báo chí, Quan hệ công chúng, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Quản trị văn phòng; Truyền thông quốc tế, Hệ thống thông tin quản lý, Khoa học quản lý	Tất các các ngành khác	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	12 môn/24 tín chỉ 1. Thông tin học đại cương 2. Thư viện học đại cương 3. Phát triển nguồn lực thông tin 4. Biên mục mô tả 5. Phân loại tài liệu 6. Định chủ đề và định từ khóa 7. Tóm tắt, chú giải, tổng luận tài liệu 8. Tổ chức và bảo quản tài liệu 9. Sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện 10. Phần mềm quản trị thông tin, thư viện 11. Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện 12. Bộ máy Tra cứu tìm tin

TT	Mã chuyên ngành đào tạo	Tên chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Nội dung học BTKT
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
17	8229030.01	Lí luận văn học	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Hán Nôm, Báo chí truyền thông.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	7 môn/ 21 tín chỉ 1. Nguyên lý lý luận văn học 2. Tác phẩm văn học 3. Loại thể văn học 4. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII 5. Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX 6. Văn học Việt Nam 1900 – 1945 7. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay
18	8210232.01	Lí luận, lịch sử điện ảnh - truyền hình	Công nghệ điện ảnh – truyền hình, Đạo diễn điện ảnh – truyền hình, Biên kịch điện ảnh – truyền hình, Lý luận và phê bình điện ảnh – truyền hình, Quay phim điện ảnh, Diễn viên kịch – điện ảnh, Đạo diễn sân khấu, Hội họa, Điêu khắc, Kiến trúc, Đồ họa, Thiết kế đồ họa, Văn học, Lý luận và phê bình sân khấu, Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	Sư phạm Ngữ văn, Văn hóa học, Báo chí, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, lý luận và phê bình mỹ thuật, Thiết kế mỹ thuật sân khấu-điện ảnh, Nhiếp ảnh, Công nghệ điện ảnh – truyền hình, Thông tin học, Quan hệ công chúng, Quốc tế học, Đông phương học, Ngôn ngữ học; Biên kịch sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Diễn viên múa; Huấn luyện múa; Biên đạo múa; Lý luận, phê bình múa; Âm nhạc học; Sáng tác âm nhạc; Chỉ huy âm nhạc; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Quản lý văn hóa; Sáng tác văn học; Các ngành thuộc nhóm Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (mã số 522202)	Người tốt nghiệp đại học ngành khác phải có thêm bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành Đạo diễn, Quay phim, Biên kịch của Trường Cao đẳng Sân khấu Điện ảnh TP Hồ Chí Minh. (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017)	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh – truyền hình tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi. (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017)	6 môn/19 tín chỉ 1. Nhập môn nghệ thuật học 2. Nhập môn điện ảnh học 3. Tổng quan lịch sử điện ảnh thế giới 4. Tổng quan lịch sử điện ảnh Việt Nam 5. Truyền thông quan hệ công chúng 6. Lý luận truyền hình

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
19	8229010.02	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học
20	8229010.04	Lịch sử sử học và sử liệu học	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học
21	8229010.03	Lịch sử thế giới	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
							7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học
22	8229040.01	Lịch sử văn hóa Việt Nam	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học
23	8229010.05	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
24	8320303.01	Lưu trữ học	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học	Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Nhân học, Quốc tế học, Tâm lý học, Thông tin học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/ 25 tín chỉ 1. Quản lý nhà nước trong công tác văn thư-lưu trữ 2. Tiêu chuẩn hoá trong công tác văn thư-lưu trữ 3. Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý 4. Tổ chức quản lý văn bản 5. Tổ chức lập hồ sơ và quản lý hồ sơ 6. Tổ chức khoa học tài liệu 7. Tổ chức bảo quản tài liệu 8. Tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ 9. Lịch sử lưu trữ 10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu trữ
25	8320303.01	Lưu trữ học (định hướng ứng dụng)	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học	Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Nhân học, Quốc tế học, Tâm lý học, Thông tin học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/ 25 tín chỉ 1. Quản lý nhà nước trong công tác văn thư-lưu trữ 2. Tiêu chuẩn hoá trong công tác văn thư-lưu trữ 3. Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý 4. Tổ chức quản lý văn bản 5. Tổ chức lập hồ sơ và quản lý hồ sơ 6. Tổ chức khoa học tài liệu 7. Tổ chức bảo quản tài liệu 8. Tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ 9. Lịch sử lưu trữ 10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu trữ

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
26	8229020.01	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học, Ngữ văn (tốt nghiệp từ 1995 trở về trước), Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	Ngữ Văn, Sư phạm Ngữ Văn, Văn học, Hán Nôm, Việt Nam học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ A rập, Đông phương học, Châu Á học, Đông Nam Á học, Nhân học, Báo chí, Tâm lý học.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	6 môn/ 20 tín chỉ 1. Ngôn ngữ học đại cương 2. Ngữ âm học tiếng Việt 3. Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt 4. Ngữ pháp tiếng Việt 5. Ngôn ngữ học ứng dụng 6. Ngữ dụng học tiếng Việt
27	8310302.01	Nhân học	Nhân học, Lịch sử (định hướng chuyên ngành Dân tộc học)	Xã hội học, Công tác xã hội, Tâm lý học, Việt Nam học, Văn hóa học, Chính trị học, Văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam, Bảo tàng học.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	4 môn/ 12 tín chỉ 1. Nhân học đại cương 2. Các phương pháp nghiên cứu nhân học 3. Lịch sử và các lý thuyết nhân học 4. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam
28	8310601.01	Quan hệ quốc tế	Quốc tế học, Quan hệ quốc tế	Lịch sử, Triết học, Kinh tế học, Luật học, Chính trị học, Châu Á học/Đông Phương học, Việt Nam học, Xã hội học, Văn hóa học, Nhân học, Tôn giáo học, Báo chí học, Quan hệ công chúng, Thông tin đối ngoại, Chính sách công, Công tác xã hội, các ngành thuộc nhóm Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (công văn 4384/ĐHQGHN-ĐT ngày 30/12/2016).	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/26 tín chỉ 1. Lịch sử Quan hệ quốc tế 2. Quan hệ đối ngoại Việt Nam 3. Nhập môn Quan hệ quốc tế 4. Nhập môn Khu vực học 5. Kinh tế quốc tế 6. Luật pháp quốc tế 7. Thể chế chính trị thế giới 8. Các tổ chức quốc tế 9. Các vấn đề toàn cầu 10. Phương pháp nghiên cứu Quan hệ quốc tế

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
29	8340412.01	Quản lý Khoa học và Công nghệ	Khoa học quản lý (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017)	Tất cả các ngành	Tất cả các ngành	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học cột (4), (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	10 môn/ 27 tín chỉ 1. Khoa học quản lý đại cương 2. Lịch sử tư tưởng quản lý 3. Tổng quan Sở hữu trí tuệ 4. Khoa học chính sách 5. Lý thuyết hệ thống và điều khiển học 6. Khoa học và Công nghệ luận 7. Hành chính học đại cương 8. Xã hội học quản lý 9. Tâm lý học quản lý 10. Chính trị học đại cương
30	8340412.01	Quản lý Khoa học và Công nghệ (định hướng ứng dụng)	Khoa học quản lý (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017)	Tất cả các ngành	Tất cả các ngành	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học cột (4), (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	10 môn/ 27 tín chỉ 1. Khoa học quản lý đại cương 2. Lịch sử tư tưởng quản lý 3. Tổng quan Sở hữu trí tuệ 4. Khoa học chính sách 5. Lý thuyết hệ thống và điều khiển học 6. Khoa học và Công nghệ luận 7. Hành chính học đại cương 8. Xã hội học quản lý 9. Tâm lý học quản lý 10. Chính trị học đại cương

TT	Mã chuyên ngành đào tạo	Tên chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Nội dung học BTKT
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
31		Quản lý văn hóa	- Quản lý văn hóa (Công văn số 1060 ngày 12/4/2020 của ĐHQGHN). - Lịch sử, Văn hóa học, Khoa học quản lý, Nhân học	Ngôn ngữ học, Văn học, Hán Nôm, Đông phương học, Đông Nam Á học, Triết học, Báo chí, Quan hệ công chúng, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành, Quản trị khách sạn, Quốc tế học, Lưu trữ học, Quản trị văn phòng, Thông tin học, Khoa học thư viện, Việt Nam học, Chính trị học, Tâm lý học, Xã hội học, Công tác xã hội, Tôn giáo học	Tất cả các ngành	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học cột (4), phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học cột (5), phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	11 môn/30 tín chỉ 1. Các phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Lịch sử văn minh thế giới 3. Cơ sở văn hóa Việt Nam 4. Môi trường và phát triển 5. Khoa học quản lý đại cương 6. Nhân học đại cương 7. Lí thuyết hệ thống 8. Cơ sở khảo cổ học 9. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 10. Một số vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội ở Việt Nam 11. Kỹ năng quản lí

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
32	8340406.01	Quản trị văn phòng	Quản trị văn phòng, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	Khoa học quản lý, Khoa học chính trị, Quản lý nhà nước, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Hành chính học, Lưu trữ học, Thông tin học, Khoa học thư viện.	Báo chí, Công nghệ thông tin, Công tác xã hội, Kế toán, Giáo dục học, Lịch sử, Luật học, Nhân học, Ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga), Quản lý văn hóa, Tài chính – Ngân hàng, Tâm lý học, Thống kê, Toán học, Xã hội học	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.	9 môn/20 tín chỉ - Hành chính học đại cương - Quản trị văn phòng đại cương - Các lý thuyết quản trị - Tổ chức văn phòng - Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ - Nghị vụ tham mưu, tổng hợp - Văn hoá công sở - Lễ tân văn phòng - Quản trị nhân sự văn phòng

TT	Mã chuyên ngành đào tạo	Tên chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Nội dung học BTKT
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
33	8340406.01	Quản trị văn phòng (định hướng ứng dụng)	Quản trị văn phòng, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	- Khoa học Quản lí, Khoa học chính trị, Quản lí công, Quản lí nhà nước, Quản lí thông tin, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lí, Lưu trữ học, Hành chính học, Thông tin Thư viện, Quản lí thông tin.	- Tất cả các ngành khác	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) và cột (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.	9 môn/20 tín chỉ 1. Hành chính học đại cương 2. Quản trị văn phòng đại cương 3. Các lý thuyết quản trị 4. Tổ chức văn phòng 5. Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ 6. Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp 7. Văn hoá công sở 8. Lễ tân văn phòng 9. Quản trị nhân sự văn phòng

TT	Mã chuyên ngành đào tạo	Tên chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Nội dung học BTKT
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
34	Thí điểm	Quản trị báo chí truyền thông	Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế, Truyền thông đại chúng	Lí luận, lịch sử điện ảnh – truyền hình, Biên kịch điện ảnh – truyền hình, Đạo diễn điện ảnh – Truyền hình, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Kinh tế, Chính trị học, Quản lí nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lí học, Quốc tế học, Công nghệ truyền thông, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm, Thông tin – Thư viện, Quản lí thông tin, Quản trị kinh doanh, Marketing, Khoa học quản lí, Quản lí công, Luật.	Tất cả các ngành khác	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.	7 môn/20 tín chỉ 1. Lý luận báo chí truyền thông 2. Kỹ năng viết cho báo chí - báo điện tử 3. Kỹ năng viết cho phát thanh - truyền hình 4. Quan hệ công chúng đại cương 5. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông 6. Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông 7. Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông Những ứng viên thuộc đối tượng cột (4) có thể hội viên Hội Nhà báo Việt Nam được miễn 03 học phần: <i>Kỹ năng viết cho báo in-báo điện tử, Kỹ năng viết cho Phát thanh-Truyền hình, Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông.</i>
35	Tâm lí học	Tâm lí học	Tâm lí học, Tâm lí giáo dục	Xã hội học, Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Sư phạm mẫu giáo, Y tế công cộng; Quản lý giáo dục.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	17 môn/ 31 tín chỉ Các học phần bắt buộc 1. Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao 2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lý 3. Những vấn đề cơ bản của tâm lý học 4. Tâm lý học tham vấn 5. Tâm lý học quản lý 6. Tâm lý học lâm sàng đại cương 7. Tâm lý học nhóm Các học phần tự chọn 8. Tâm lý học nhân cách 9. Tâm lý học lao động hướng nghiệp 10. Tâm lý học khác biệt

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
							11. Giao tiếp trong quản lý kinh doanh 12. Tâm lý học học đường 13. Tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên 14. Tâm lý học gia đình 15. Tâm lý học du lịch 16. Tâm lý học giới 17. Tâm lý học phát triển
36	8310401.02	Tâm lý học lâm sàng (định hướng ứng dụng)	Tâm lý học, Tâm lý học Giáo dục	Công tác xã hội, Xã hội học, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Y tế công cộng, Y đa khoa, Y học dự phòng.	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	9 môn/ 27 tín chỉ 1. Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao 2. Những vấn đề cơ bản của tâm lý học 3. Tâm lý học tham vấn 4. Tâm lý học lâm sàng đại cương 5. Tâm lý học trị liệu 6. Tâm bệnh học đại cương 7. Đánh giá tâm lý 8. Tâm lý học gia đình 9. Tâm lý học phát triển
37	8229009.01	Tôn giáo học	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Tâm lý học, Xã hội học, Khoa học Quản lý, Nhân học, Lịch sử, Khoa học Chính trị, Văn học, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Báo chí học, Du lịch học, Đông phương học (ở trong và ngoài nước)	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/24 tín chỉ 1. Quan niệm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về tôn giáo và phương pháp luận nghiên cứu tôn giáo 2. Phật giáo và tín ngưỡng bản địa Việt Nam 3. Công giáo và Islam với dân tộc Việt Nam 4. Quan niệm ngoài Mác xít về tôn giáo 5. Tâm lý học tôn giáo 6. Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị 7. Lịch sử các tổ chức tôn giáo 8. Đạo Tin lành ở Việt Nam: lịch sử và hiện tại 9. Quan điểm của các nhà tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ 10 đến nửa đầu thế kỉ 20 về tôn giáo 10. Triết học Tôn giáo

TT	Mã chuyên ngành đào tạo	Tên chuyên ngành đào tạo	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Nội dung học BTKT
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
38	8229009.01	Tôn giáo học (định hướng ứng dụng)	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Tâm lí học, Xã hội học, Khoa học quản lí, Nhân học, Lịch sử, Khoa học chính trị, Văn học, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Báo chí học, Du lịch học, Đông phương học	Tất cả các ngành	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn, người tốt nghiệp tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	10 môn/24 tín chỉ 1. Quan niệm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về tôn giáo và phương pháp luận nghiên cứu tôn giáo 2. Phật giáo và tín ngưỡng bản địa Việt Nam 3. Công giáo và Islam với dân tộc Việt Nam 4. Quan niệm ngoài Mác xít về tôn giáo 5. Tâm lí học tôn giáo 6. Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị 7. Lịch sử các tổ chức tôn giáo 8. Đạo Tin lành ở Việt Nam: lịch sử và hiện tại 9. Quan điểm của các nhà tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ 10 đến nửa đầu thế kỉ 20 về tôn giáo 10. Triết học Tôn giáo
39	8229001.01	Triết học	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Giáo dục công dân, Lịch sử, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xã hội học, Tâm lí học, Kinh tế chính trị, Văn hóa học.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	11 môn/24 tín chỉ 1. Lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại 2. Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại 3. Lịch sử triết học Hy - La cổ đại 4. Lịch sử triết học Tây Âu trung cận đại 5. Lịch sử triết học cổ điển Đức 6. Triết học Mác - Lênin nâng cao 7. Triết học phương Tây hiện đại 8. Chuyên đề Logic học 9. Chuyên đề Tôn giáo học 10. Chuyên đề CNXHKKH 11. Tư tưởng triết học Việt nam
40	8229030.03	Văn học nước ngoài	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Báo chí truyền thông.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	7 môn/ 21 tín chỉ 1. Nguyên lý lý luận văn học 2. Tác phẩm văn học 3. Loại thể văn học 4. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII 5. Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
							6. Văn học Việt Nam 1900 – 1945 7. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay
41	8229030.04	Văn học Việt Nam	Văn học, Sur phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Hán Nôm, Báo chí truyền thông.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	7 môn/ 21 tín chỉ 1. Nguyên lý lý luận văn học 2. Tác phẩm văn học 3. Loại thể văn học 4. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII 5. Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX 6. Văn học Việt Nam 1900 – 1945 7. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay
42	8229030.02	Văn học/ Văn học dân gian	Văn học, Sur phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Báo chí - Truyền thông	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	7 môn/ 21 tín chỉ 1. Nguyên lý lý luận văn học 2. Tác phẩm văn học 3. Loại thể văn học 4. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII 5. Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX 6. Văn học Việt Nam 1900 – 1945 7. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay

TT	Mã chuyên ngành đào tạo (1)	Tên chuyên ngành đào tạo (2)	Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 phải học bổ túc kiến thức (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Nội dung học BTKT (7)
43	8310630.01	Việt Nam học	Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam.	Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Triết học, Báo chí, Nhân học, Quốc tế học, Luật học, Quản lý xã hội, Chính trị học, Hán Nôm, Xã hội học, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Địa lý học, Khoa học môi trường, Kinh tế học, các ngành thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (mã số 5222202)	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/ 26 tín chỉ 1. Lịch sử văn minh thế giới 2. Cơ sở văn hóa Việt Nam 3. Nhập môn Việt Nam học 4. Lịch sử Việt Nam đại cương 5. Việt ngữ học đại cương 6. Văn học Việt Nam đại cương 7. Các dân tộc Việt Nam 8. Môi trường và phát triển 9. Địa lý Việt Nam 10. Kinh tế học đại cương
44	8310301.01	Xã hội học	Xã hội học	Công tác xã hội, Tâm lý học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Triết học, Luật học, Nhân học, Đông phương học, Việt Nam học, Kinh tế học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	1 môn/ 28 tín chỉ 1. Lịch sử và lý thuyết xã hội học 2. Phương pháp nghiên cứu xã hội học 3. Xã hội học nông thôn 4. Xã hội học giới 5. Xã hội học quản lý 6. Xã hội học dân số 7. Xã hội học giáo dục 8. Xã hội học tôn giáo 9. Xã hội học gia đình 10. Xã hội học đô thị 11. Xã hội học văn hóa 12. Xã hội học du lịch 13. Xã hội học môi trường